TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1395/2022/KDTM-ST
Ngày: 27/4/2022
V/v "Tranh chấp hợp đồng thi công"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Hương

2/ Ông Chu Mạnh Tường

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nguyễn Thanh Trí - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: không tham gia

Ngày 27 tháng 4 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2022, về việc "Tranh chấp hợp đồng thi công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1693/2022/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa số M

Địa chỉ: phường H, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà H1 - sinh năm 1982

Địa chỉ: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 12/10/2021 của Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa số M)

2/ Bị đơn: Công ty TNHH Xây dựng V

Địa chỉ: phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trầm Thị Bích N - sinh năm 1989

Địa chỉ liên lạc: phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

(có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 20/3/2022 của Công ty TNHH Xây dựng V)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 02/3/2020 Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa sổ M (sau đây gọi tắt là Công ty M) và Công ty TNHH Xây dựng V (sau đây gọi tắt là Công ty V) đã ký kết hợp đồng kinh tế số: 0203/2020 HDKT với giá trị hợp đồng là 7.590.000.000 đồng và ngày 19/10/2020 hai bên ký kết phụ lục hợp đồng số 0203/2020 HDKT/PLHĐKT với giá trị là 337.724.875 đồng.

Ngày 18/3/2020 hai bên ký kết hợp đồng kinh tế số 1803/2020 HDKT với giá trị hợp đồng là 2.112.000.000 đồng và ngày 19/10/2020 ký phụ lục hợp đồng 1803/2020 HDKT/PLHĐKT có giá trị 41.369.416 đồng.

Thỏa thuận công việc tại các hợp đồng là Công ty V giao cho Công ty M thực hiện công tác thi công Panel và cửa sổ công trình S tại địa chỉ: thị trấn L, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Công ty M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và đúng nội dung của hợp đồng hai bên đã ký kết. Công ty M đã bàn giao đầy đủ hồ sơ, thực hiện nghĩa vụ bảo hành sửa chữa lỗi hư hỏng theo yêu cầu của Công ty V. Tuy nhiên, Công ty V chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán của 2 hợp đồng và 2 phụ lục hợp đồng trên với số tiền còn nợ là: 1.349.516.890 đồng.

Công ty M đã trực tiếp đến văn phòng, nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán nhưng cho đến nay vẫn chưa được Công ty V thanh toán số tiền nợ trên. Do đó, nay Công ty M yêu cầu Công ty V:

+ Trả số tiền còn nợ của hợp đồng số 0203/2020HDKT ngày 02/3/2020 và phụ lục hợp đồng số 0203/2020HDKT/PLHĐKT ngày 19/10/2020 là 1.113.097.420 đồng.

+ Trả số tiền còn nợ của hợp đồng số 1803/2020HDKT ngày 18/3/2020 và phụ lục hợp đồng số 1803/2020HDKT/PLHĐKT ngày 19/10/2020 là 236.419.470 đồng

Tổng số tiền Công ty V phải trả cho Công ty M là 1.349.516.890 đồng.

Tại đơn khởi kiện Công ty M yêu cầu Công ty V thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán của 02 hợp đồng trên với lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 16/10/2020 đến ngày 16/9/2021. Tuy nhiên, nay Công ty M rút lại yêu cầu này, không yêu cầu trả lãi nữa.

Công ty TNHH Xây dựng V có đại diện tham gia tố tụng trình bày:

Việc ký kết và thực hiện hợp đồng kinh tế số: 0203/2020 HDKT ngày 02/3/2020, phụ lục hợp đồng số 0203/2020 HDKT/PLHĐKT ngày 19/10/2020 và hợp đồng kinh tế số 1803/2020 HDKT ngày 18/3/2020,

phụ lục hợp đồng số 1803/2020 HDKT/PLHĐKT ngày 19/10/2020 đúng như đại diện Công ty M đã trình bày. Công ty M đã thi công xong, nhưng do Công ty V chưa nhận được tiền từ chủ đầu tư nên chưa có tiền để trả cho Công ty M. Các hợp đồng và phụ lục hợp đồng mà hai bên đã ký kết không có điều khoản nào thỏa thuận khi Công ty V nhận được tiền từ chủ đầu tư thì mới thanh toán cho Công ty M.

Nay Công ty V thống nhất số tiền còn nợ như Công ty M đã trình bày và đồng ý thanh toán số tiền này. Tuy nhiên, hiện nay Công ty V đang gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị trong năm 2022, hạn cuối là ngày 31/12/2022 sẽ thanh toán 1/2 số tiền còn nợ là 700.000.000 đồng, 1/2 số tiền còn lại sẽ thanh toán trong năm 2023, hạn cuối là ngày 31/12/2023.

Trong trường hợp chủ đầu tư Shinyang thanh toán tiền cho Công ty V thì Công ty sẽ thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ cho Công ty M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng thi công xây dựng trong hoạt động kinh doanh giữa 02 tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận nên căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty V có trụ sở tại thành phố Thủ Đức nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, Công ty M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty V thanh toán số tiền còn nợ là 1.349.516.890 đồng và không yêu cầu trả lãi. Xét việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của Công ty M là phù hợp, không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức: Đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng thi công giữa 02 tổ chức và Tòa án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì Viện kiểm sát không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Các bên đương sự trình bày thống nhất về quá trình ký kết thực hiện hợp đồng giữa 02 bên, thống nhất về việc Công ty M đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thỏa thuận tại hợp đồng và thống nhất về số tiền Công ty V còn nợ Công ty M là

1.349.516.890 đồng. Các bên đương sự không thống nhất được phương thức thanh toán số tiền còn nợ này.

Thỏa thuận tại Điều 4 của các hợp đồng các bên đã ký kết về hình thức thanh toán như sau:

Đợt 1: Công ty V tạm ứng cho Công ty M 20% giá trị hợp đồng sau khi hợp đồng được ký kết.

Đợt 2: thanh toán định kỳ 70% còn lại giá trị hợp đồng, hàng tháng từ ngày 26 đến ngày 30, Công ty M sẽ gửi yêu cầu thanh toán và Công ty V sẽ thanh toán trong vòng 10 ngày sau.

Đợt 3: 5% sẽ được thanh toán sau khi hoàn thành công trình. 5% tổng giá trị quyết toán sẽ được Công ty V thanh toán trong vòng 5 ngày làm việc sau khi Công ty V nhận được chứng thư bảo lãnh do ngân hàng phát hành tương đương với 5% tổng giá trị hợp đồng cuối cùng.

Qúa trình tố tụng tại Tòa, Công ty M và Công ty V đã thống nhất về số tiền Công ty V còn nợ Công ty M là 1.349.516.890 đồng. Công ty V đồng ý thanh toán số tiền còn nợ này cho Công ty M và đề nghị phương thức thanh toán là trong năm 2022, hạn cuối là ngày 31/12/2022 sẽ thanh toán 1/2 số tiền còn nợ là 700.000.000 đồng, 1/2 số tiền còn lại sẽ thanh toán trong năm 2023, hạn cuối là ngày 31/12/2023. Đề nghị này của Công ty V không được Công ty M chấp nhận nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét. Do Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M khởi kiện yêu cầu Công ty V trả số tiền còn nợ là 1.349.516.890 đồng có căn cứ nên được chấp nhận.

Về tiền lãi Công ty M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Công ty M được chấp nhận nên Công ty V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.485.507 đồng. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 74, Điều 85 và Điều 87 Luật Thương mại năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc Công ty TNHH Xây dựng V có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa sổ M số tiền còn nợ là 1.349.516.890 (một tỷ ba trăm bốn mươi chín triệu năm trăm mười sáu ngàn tám trăm chín mươi) đồng.

Kể từ ngày Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa sổ M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Xây dựng V còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Về án phí:

Công ty TNHH Xây dựng V phải nộp 52.485.507 (năm mươi hai triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn năm trăm lẻ bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa sổ M số tiền tạm ứng án phí 28.469.456 (hai mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm năm mươi sáu) đồng, Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa sổ M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0025521 ngày 05/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức.

3/ Về quyền kháng cáo: Công ty TNHH một thành viên Panel và Cửa sổ M và Công ty TNHH Xây dựng V có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy